

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 10/4/2025
*V/v Ly hôn, nuôi con chung sau
ly hôn.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vi Thị Tuyết Mai

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Thanh Oai

Bà Cà Nguyễn Duyên

***Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Bắc Kạn.***

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Bà
Hoàng Ánh Dương - Kiểm sát viên.***

Ngày 10 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn, Tòa
án nhân dân tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ
lý số: 01/2025/TLST-HNGĐ ngày 07/02/2025 về việc “*Ly hôn, nuôi con chung
sau ly hôn*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày
27 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

****Nguyên đơn:*** Chị **Vũ Thị L**, sinh năm 1991. Địa chỉ: Thôn B, xã L,
huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

****Bị đơn:*** Anh **Triệu Văn B**. Sinh năm 1993. Vắng mặt.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn N, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

Hiện nay sinh sống và làm việc tại: Số F đường Đ, xã Đ, huyện C, lãnh
thô Đài Loan.

Người được ủy quyền nhận văn bản tố tụng của bị đơn: Bà Vy Thị B1, địa
chỉ: Thôn N (nay là thôn L), xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 08/8/2024, đơn khởi kiện bổ sung ngày 24/8/2024, bản tự khai, Biên bản lấy lời khai nguyên đơn chị Vũ Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh B kết hôn ngày 16/4/2012 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc nhưng sau đó đã phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm. Năm 2016, anh B đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng. Năm 2019 anh B về nước 01 tháng nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện được, anh B tiếp tục đi xuất khẩu lao động lần 2, đến nay anh B đã đi được 08 năm nhưng chưa có ý định về Việt Nam mà vẫn tiếp tục ở lại nước ngoài làm việc. Do khoảng cách địa lý nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Triệu Văn B.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân chị và anh B có 02 con chung:

- Cháu Triệu Vũ T, sinh ngày 07/5/2012
- Cháu Triệu Vũ Hà C, sinh ngày 07/7/2017

Hiện nay cả 02 con đang sinh sống cùng chị, đều khỏe mạnh, phát triển bình thường và đang học tại Trường tiểu học và Trường trung học cơ sở xã L, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Do anh B thường xuyên đi làm ăn xa không có thời gian chăm sóc 2 con nên khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung cho đến khi các con trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung, nếu anh B tự nguyện, chị không ngăn cản.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về các thủ tục tố tụng tại Tòa án: Do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, anh B đang sinh sống và làm việc ở nước ngoài không thể có mặt trực tiếp tham gia quá trình Tòa án giải quyết vụ việc ly hôn và để sớm ổn định cuộc sống chị đề nghị Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc tiếp cận giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa xét xử vụ án trước các mốc thời gian mà Tòa án đã ấn định tại Thông báo thụ lý vụ án.

Tại Bản trình bày ý kiến của bị đơn ngày 09/02/2025, Biên bản làm việc ngày 13/3/2025, bị đơn anh Triệu Văn B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện như chị L đã trình bày. Anh xác nhận trước khi đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan anh và chị L đã xảy ra nhiều mâu thuẫn vợ chồng, kể từ năm 2016 đến nay anh đã đi xuất khẩu lao động được 8 năm nhưng không có ý định trở về Việt Nam mà tiếp tục ở lại nước ngoài làm việc. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, anh nhất trí với yêu cầu khởi kiện của chị L, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn giải quyết cho anh và chị L được ly hôn.

Về con chung: Anh xác nhận như phần trình bày của chị L. Do phải đi làm ăn xa, không có điều kiện trực tiếp chăm sóc các con, do vậy anh nhất trí giao 02

con chung cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các con cho đến khi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị L không yêu cầu nên anh nhất trí.

Về tài sản chung, khoản nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về các thủ tục tố tụng tại Tòa án: Do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, anh lại đang sinh sống và làm việc ở nước ngoài, không thể có mặt trực tiếp tham gia quá trình Tòa án giải quyết vụ việc ly hôn nên anh đề nghị:

- Vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và phiên tòa xét xử.
- Tòa án tiến hành mở Phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và phiên tòa xét xử trước các mốc thời gian mà Tòa án đã ấn định tại Thông báo thụ lý vụ án.

- Ủy quyền cho mẹ đẻ của anh là: Bà Vy Thị B1. Địa chỉ: Thôn N (nay là thôn L), xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn đại diện cho anh nhận và có trách nhiệm thông báo toàn bộ nội dung các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 07/3/2025, con chung là cháu Triệu Vũ T và cháu Triệu Vũ Hà C trình bày:

Cháu Triệu Vũ T và cháu Triệu Vũ Hà C là con chung của ông Triệu Văn B và bà Vũ Thị L. Hiện nay, các cháu đang sống cùng mẹ tại thôn Bản Vèn, xã L, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Nay bố mẹ các cháu ly hôn, các cháu có nguyện vọng được sống cùng mẹ và không yêu cầu bố cấp dưỡng.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 13/3/2025, bà Vy Thị B1, địa chỉ: Thôn N (nay là thôn L), xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn trình bày:

Bà là mẹ đẻ của anh Triệu Văn B. Tại Bản trình bày ý kiến của bị đơn, anh B đã ủy quyền cho bà nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, bà hoàn toàn nhất trí việc ủy quyền của anh B, bà sẽ có trách nhiệm nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và gửi hoặc thông báo lại nội dung của các văn bản cho anh Triệu Văn B.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án đều thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị L và anh B không còn nên việc chị L xin được ly hôn, anh B nhất trí ly hôn là có căn cứ cần được chấp nhận.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân chị L và anh B có 02 con chung là:

- Cháu Triệu Vũ T, sinh ngày 07/5/2012
- Cháu Triệu Vũ Hà C, sinh ngày 07/7/2017

Hiện nay cả 02 con đang sinh sống cùng chị L, đều khỏe mạnh, phát triển bình thường và đang học tại Trường tiểu học và Trường trung học cơ sở xã L, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Do anh B đang sinh sống, làm việc tại Đài Loan không có điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung, cháu T, cháu C ở với mẹ được mẹ quan tâm, chăm sóc, hơn nữa mẹ cháu có chỗ ở và thu nhập ổn định nên đảm bảo lợi ích về mọi mặt của 2 cháu, theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, cần giao cháu Triệu Vũ T và cháu Triệu Vũ Hà C cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn trước khi sinh sống và làm việc tại nước ngoài cư trú tại tỉnh Bắc Kạn, hiện nay bị đơn đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan. Do vậy có đủ căn cứ xác định đây là vụ án Hôn nhân gia đình có yếu tố nước ngoài. Việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn thụ lý, giải quyết vụ án là phù hợp quy định tại các Điều 28, 37, 39, 469/Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và phiên tòa xét xử: Hiện nay bị đơn đang sinh sống và làm việc tại nước ngoài không thể về Việt Nam tham gia tố tụng, vì vậy vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn đều đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn giải quyết và xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp quy định của pháp luật tại Điều 228, khoản 5 Điều 477, Điều 478 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về việc ủy quyền nhận các văn bản tố tụng của Tòa án: Bị đơn anh Triệu Văn B ủy quyền cho bà Vy Thị Biên N các văn bản tố tụng của Tòa án, Bà B1 nhất trí nhận ủy quyền của bị đơn và cam kết thực hiện đầy đủ, đúng quy định các nội dung nhận ủy quyền. Do vậy Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn sẽ thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định tại Điều 474/Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.4] Về thời hạn giải quyết vụ án: Theo Thông báo thụ lý vụ án, Tòa án ấn định thời gian mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vào ngày 11/8/2025, thời gian mở phiên tòa vào ngày 10/11/2025 là đúng thời hạn quy định tại Điều 476 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều đề nghị Tòa án mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và mở phiên tòa trước các mốc thời hạn Tòa án đã ấn định. Mặt khác chị L và anh B đều được tiếp cận đầy đủ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và cũng đã cung cấp cho Tòa án đầy

đủ tài liệu, chứng cứ. Do vậy, việc Tòa án mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên tòa xét xử trước các mốc thời gian đã ấn định tại Thông báo thụ lý vụ án không ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của các đương sự trong vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hội đồng xét xử thấy:

Chị Vũ Thị L và anh Triệu Văn B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Vì vậy hôn nhân giữa chị L và anh B được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Chị L và anh B đều thừa nhận, sau khi kết hôn, thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc. Tuy nhiên đến năm 2016 đã phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống và nhất là từ khi anh B đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, do sống xa cách về địa lý nên không có điều kiện chăm sóc giúp đỡ nhau trong cuộc sống hàng ngày, cũng như nuôi dạy con cái nên mâu thuẫn càng trầm trọng hơn. Cả chị L và anh B đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và có nguyện vọng được ly hôn. Căn cứ khoản 1 Điều 56/ Luật hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Vũ Thị L, xử cho chị L được ly hôn với anh B.

[2.2] Về con chung: Chị L và anh B đều xác nhận, trong thời kỳ hôn nhân hai anh chị có 02 con chung là:

- Cháu Triệu Vũ T, sinh ngày 07/5/2012
- Cháu Triệu Vũ Hà C, sinh ngày 07/7/2017

Hiện nay cả 02 con đang sinh sống cùng chị L, đều khỏe mạnh, phát triển bình thường và đang học tại Trường tiểu học và Trường trung học cơ sở xã L, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Khi ly hôn chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung cho đến khi các con trưởng thành, bản thân cháu T, cháu C cũng có ý kiến khi bố mẹ ly hôn các cháu có nguyện vọng ở với mẹ. Anh B nhất trí với yêu cầu nuôi con của chị L, chị L có thu nhập trung bình 10.000.000 đồng/tháng. Hội đồng xét xử thấy, yêu cầu của nguyên đơn và ý kiến của bị đơn về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với thực tế bởi chị L hiện đang sinh sống tại Việt Nam, có việc làm, thu nhập ổn định nên có đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung đến khi con đủ 18 tuổi và cũng là phù hợp với nguyện vọng của con, còn anh B đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan nên không thể trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Do vậy căn cứ Điều 81/Luật Hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L về con chung, chị L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Triệu Vũ T, Triệu Vũ Hà C cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị L không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung, anh B cũng không có ý kiến gì về cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Theo quy định tại Điều 82/Luật Hôn nhân và gia đình. Sau khi ly hôn anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Cả nguyên đơn và bị đơn đều nhất trí không yêu cầu Tòa án giải quyết do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn chị Vũ Thị L phải chịu 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 37, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 469, Điều 474, Điều 475, Điều 476, khoản 5 Điều 477, Điều 478, Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 122, 123 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Vũ Thị L, cụ thể:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị L được ly hôn với anh Triệu Văn B.
2. Về con chung: Giao con chung Triệu Vũ T, sinh ngày 07/5/2012 và con chung Triệu Vũ Hà C, sinh ngày 07/7/2017 cho chị Vũ Thị L trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn anh B có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết

4. Về án phí: Chị Vũ Thị L phải chịu 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị L đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000064 ngày 07 tháng 02 năm 2025 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Kạn.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ. Bị đơn ở nước ngoài có quyền kháng cáo

trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- Các đương sự
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- Cục THADS tỉnh Bắc Kạn *(khi BA có HLPL)*;
- UBND xã Lương Bằng *(khi BA có HLPL)*;
- Lưu tổ HCTP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vi Thị Tuyết Mai